TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẠCH THÔNG** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2024
"Về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Anh Tiệp** và bà **Nguyễn Thị Gấm**

Thư ký phiên toà: Ông **Lý Sinh Hà** – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Duy Nha-** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1995. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn K**, sinh năm 1990. Vắng mặt

Đều cư trú tại: Thôn A, xã S, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Triệu Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2010 và sinh được 01 con chung là Hoàng Thị Nh, do thời điểm chung sống thực tế thì chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, đến ngày 12/7/2012 thì chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn K tự nguyện đến UBND xã (nay là phường) H, thành phố Bắc Kạn để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống tại thôn A, xã S, huyện Bạch Thông thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2013 vợ chồng sinh thêm con chung Hoàng Trí Th, vợ chồng chung sống làm ăn tại xã S. Từ năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, kinh tế khó khăn,

bất đồng trong việc nuôi dạy con chung, anh K đi làm ăn thường xuyên ham chơi không lo cho gia đình, vợ con, từ đó vợ chồng mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm. Chị Tâm và anh K đã sống ly thân được khoảng hai năm nay. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tâm có nói chuyện với anh K là vợ chồng ly hôn, anh K đồng ý, nhưng anh K cố tình không hợp tác về Tòa án để giải quyết. Chị T cho biết tuy anh K đi làm ăn nhưng thỉnh thoảng ngày nghỉ, ngày Tết, ngày lễ anh vẫn về nhà bố mẹ đẻ, thăm các con nhưng nói sẽ không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn K, chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với Hoàng Văn K.

- Về con chung: Chị Triệu Thị và anh Hoàng Văn K có 02 con chung là Hoàng Thị Nh, sinh ngày 21/10/2010 và Hoàng Trí Th, sinh ngày 06/4/2013, các con đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, vì thực tế từ khi vợ chồng có mẫu thuẫn thì các con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến nay.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Hoàng Văn K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh K không hợp tác, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn Hoàng Văn K không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn K là công dân có hộ khẩu, sinh sống và làm ăn tại thôn A, xã S, huyện Bạch Thông từ khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng có 02 con chung. Thời gian sinh sống tại địa phương thấy những năm đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, có xây dựng nhà ở riêng (hộ gia đình cư trú tại thôn), nhưng từ năm 2022 thấy hai vợ chồng đi làm công nhân sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau, nhưng không yêu cầu chính quyền địa phương đến can thiệp, lập biên bản. Theo thông tin thôn nắm được thì nguyên nhân như chị T trình bày là có căn cứ, do anh K ham chơi hay tụ tập bạn bè, uống rượu, không chăm lo làm kinh tế gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi, chửi, đánh nhau và sau đó thấy vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi. Anh K đi làm ăn chỉ thỉnh thoảng mới thấy về sinh sống tại thôn. Các con thì thấy chị T thường xuyên trông nom, chăm sóc và đang học tập tại xã S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024, cháu Hoàng Thị Nh và Hoàng Trí T đều trình bày: Các cháu thấy hiện nay bố, mẹ cháu không ở cùng với nhau, bố đi làm ăn ở đâu cháu không biết và rất ít khi về thăm các cháu, cả hai cháu đang ở cùng mẹ (Triệu Thị T) và khi mẹ đi làm ăn thì ở cùng ông bà nội tại thôn 3A, , xã S (vì nhà riêng của cháu ở sát nhà ông bà nội) và cả hai cháu có nguyện

vọng nếu bố, mẹ ly hôn sẽ ở với mẹ là Triệu Thị T, vì mẹ quan tâm, chăm sóc, dạy bảo và cho tiền ăn học, cả hai cháu thích ở với mẹ hơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Hoàng Văn K nhiều lần đề làm việc nhưng anh Kiếm không có mặt, phiên tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Hoàng Văn Kiếm vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu thu thập được và ý kiến của nguyên đơn thấy, chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn K có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị T xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mỗi người sinh sống một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh Hoàng Văn K là có căn cứ.

- Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Hoàng Thị Nh, sinh ngày 21/10/2010 và Hoàng Trí Th, sinh ngày 06/4/2013. Các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị căn cứ Điều 28; 35; 147; 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Triệu Thị T, cho chị Tâm được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

* Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Nh, sinh ngày 21/10/2010 và Hoàng Trí Th, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

* Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn Hoàng Văn K không hợp tác và được Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh K không có mặt, chị T không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 207/BLTTDS. Tuy nhiên, vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 208/BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn Hoàng Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã (nay là phường) H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 12/7/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường xuyên ham chơi hay tụ tập bạn bè uống rượu, không chăm lo cho đời sống gia đình, không tập trung làm ăn, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi nhau, sau đó vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tâm yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị T và các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương thấy quan hệ hôn nhân của chị Tâm anh K là đúng thực tế, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi, chửi, đánh nhau có chính quyền địa phương biết, nhưng không lập biên bản, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022, mỗi người sinh sống một nơi, kinh tế tự làm ăn riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K không hợp tác để trình bày ý kiến, quan điểm nên chị T yêu cầu

xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn K có 02 con chung là Hoàng Thị N, sinh ngày 21/10/2010 và Hoàng Trí Th, sinh ngày 06/4/2013. Các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh hiện nay đi làm ăn, không trực tiếp nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến gì khi Tòa án giải quyết vụ án. Mặt khác, chị T thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi con đầy đủ, ổn định hơn. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao các con cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về vay nợ chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn Triệu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị T, chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Nh, sinh ngày 21/10/2010 và Hoàng Trí Th, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Triệu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001267 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*/.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Bạch Thông;
- Các đương sự;
- UBND phường Hg;
- Lưu HSVA; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thăng Bắc + Chu Thị Thu Trang **Ma Thị Nguyên**